

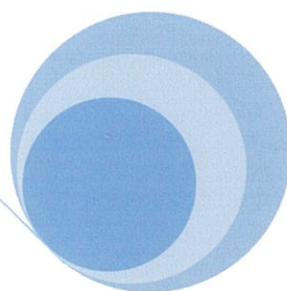
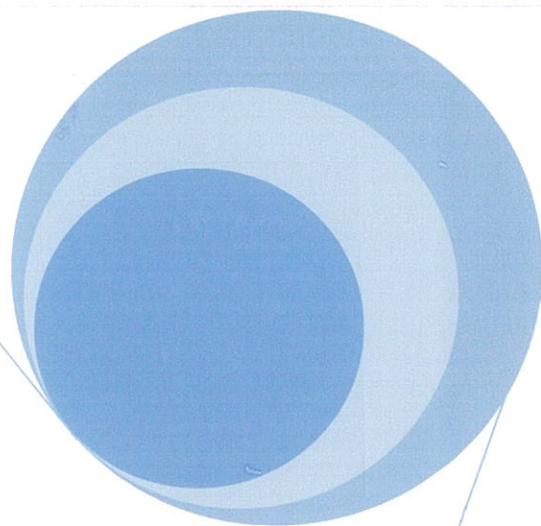


green
inside

TA YA GROUP



大亞電纜集團
TA YA GROUP



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

NĂM 2015

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : TAYA VIỆT NAM
- Tên tiếng Anh : TAYA (VIET NAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY.
- Logo công ty : 
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 472033000584 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp lần đầu ngày 11/07/2008, cấp lần thứ năm thay đổi ngày 13/05/2013.
- Vốn điều lệ : 279.013.770.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 386.948.150.557 đồng.
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 1, đường 1 A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Điện thoại : 84-61-3836361 ~ 4 Fax: 84-61-3836388
- E-mail : vndnstock@mail.taya.com.tw
- Website công ty : www.taya.com.vn
- Mã cổ phiếu : TYA
- Địa chỉ chi nhánh : km 35, quốc lộ 5A, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.
- Điện thoại : 84-320-3775888 ~ 890 Fax: 84-320-3775896
- E-mail : ck_chen@mail.taya.com.tw

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Ngày thành lập

Ngày 7/10/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 414 CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

2.2. Ngày niêm yết

Giấy phép niêm yết cổ phiếu số: 40/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán nhà nước (SSC) cấp ngày 12/12/2005.

2.3. Ngày cổ phiếu giao dịch chính thức

Ngày 15 tháng 02 năm 2006 cổ phiếu Taya Việt Nam chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (nay là Sở dịch Chứng khoán TP.HCM).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

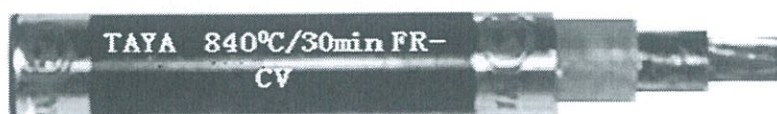
- Sản xuất các loại dây và cáp điện cao thế và trung thế 1-35KV, dây và cáp điện hạ thế 600- 1000V, cáp điện lực XLPE 600V, cáp điện lực có giáp bằng sợi thép, băng nhôm, băng đồng, băng thép, dây cáp điện chống cháy, dây cáp điện ít khói, dây cáp điện không độc hại, dây đồng trần đơn và xoắn, cáp điều khiển, các loại dây mềm, dây điện dùng trong ô tô, sản xuất động cơ và máy bơm nước.
- Thi công xây lắp các công trình điện.
- Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và quyền phân phối các mặt hàng phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật.
- Sản xuất linh kiện, thiết bị, phụ tùng dùng cho ngành điện.

- Thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

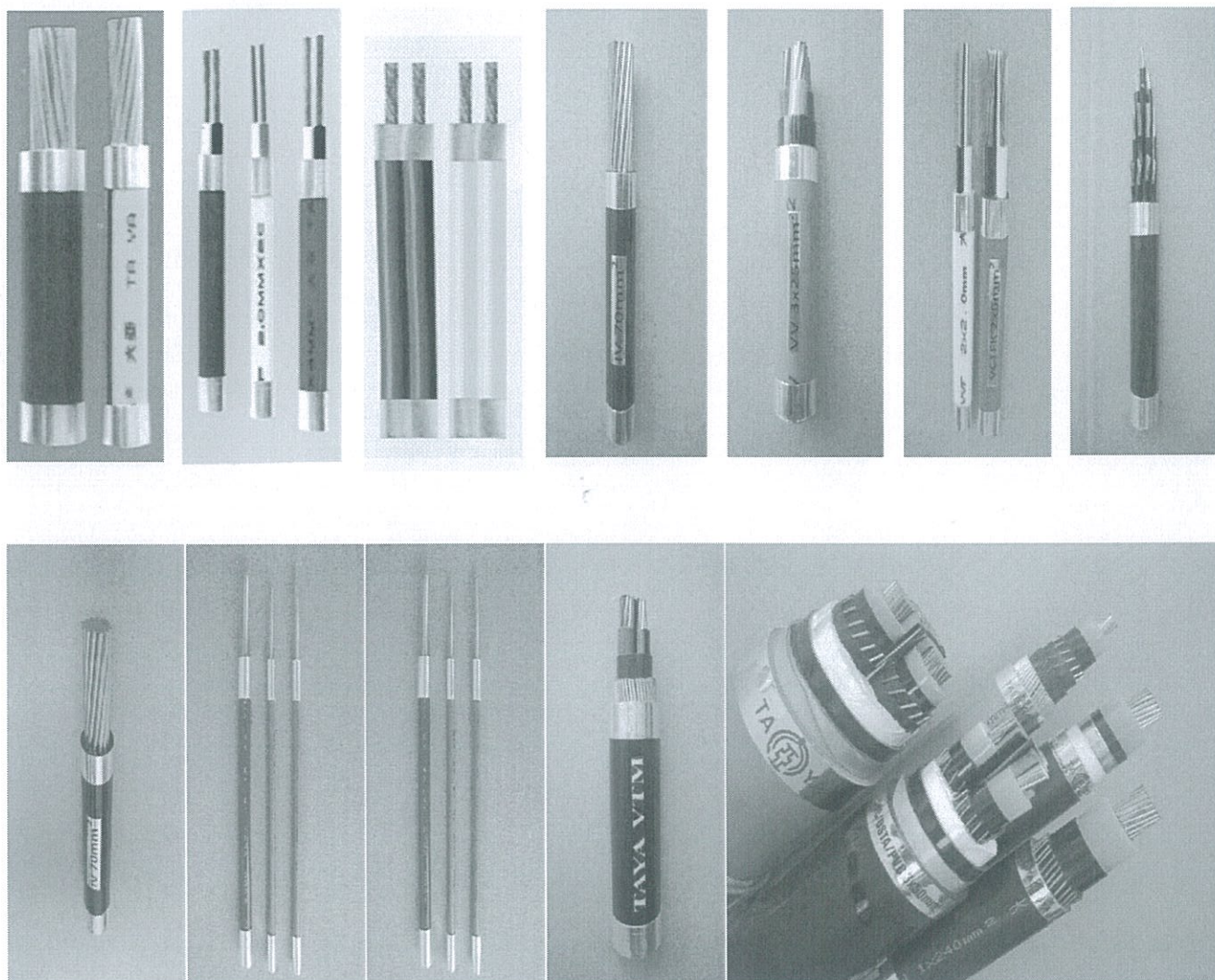
3.2. Hình ảnh sản phẩm tiêu biểu

- Dây cáp điện chống cháy, chịu nhiệt.
- Dây cáp điện hạ thế từ 600V đến 1.000V.
- Dây cáp điện trung áp từ 1KV đến 35KV.
- Các loại dây điện từ chịu nhiệt từ 155°C đến 200°C.
(PEW, UEW, EAIW, SEIW, SPEIW...)

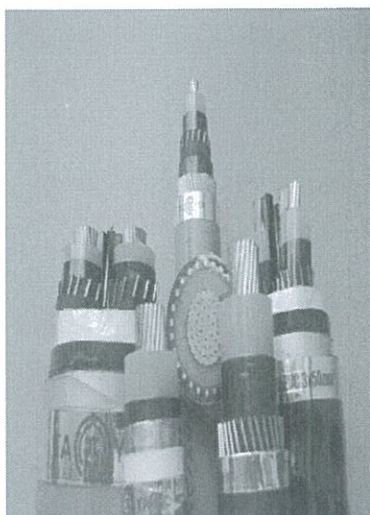
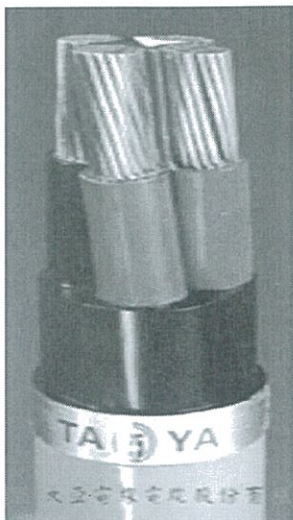
➤ Dây cáp điện chống cháy, chịu nhiệt



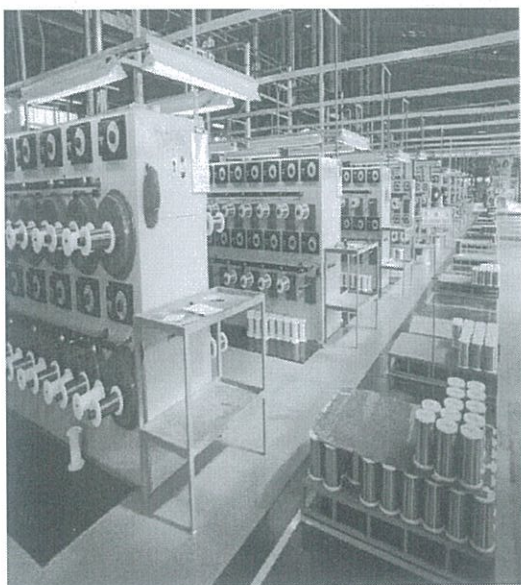
➤ Chúng loại sản phẩm dây cáp điện hạ thế từ 600V đến 1.000V



➤ Dây cáp điện trung áp từ 1KV ~ 35 KV



- Các loại dây điện từ PEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ UEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ EAIW (cấp chịu nhiệt 200°C), dây điện từ SEIW (cấp chịu nhiệt 180°C), dây điện từ SPEIW (cấp chịu nhiệt 180°C)...



PEW

聚酯漆包銅線

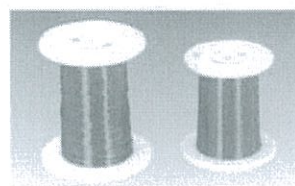
Dây điện từ Polyester

Polyester Enameled Wire

耐温等級 : 155°C

Cấp chịu nhiệt : 155°C

Thermal Rating: 155°C



PEW-NY

尼龍外被聚酯漆包銅線

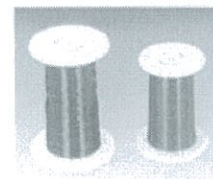
Dây điện từ Polyester với lớp Polyamide phủ ngoài

Polyamide Overcoated Polyester Enameled Wire

耐温等級 : 155°C

Cấp chịu nhiệt: 155°C

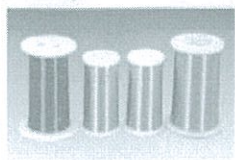
Thermal Rating: 155°C



UEW+NY

尼龍外被聚胺酯漆包銅線

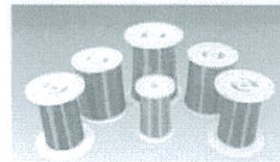
Dây điện từ Polyurethane có phủ Polyamide
Polyamide Over Polyurethane Enameled Wire
耐温等級 : 130°C/155°C
Cấp chịu nhiệt : 130°C/155°C
Thermal Rating: 130°C/155°C



UEW

聚胺酯漆包銅線

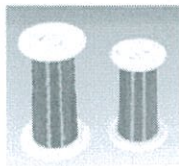
Dây điện từ Polyurethane
Polyurethane Enameled Wire
耐温等級 : 130°C/155°C/180°C
Cấp chịu nhiệt : 130°C/155°C/180°C
Thermal Rating: 130°C/155°C/180°C



SEIW

直焊變性聚亞胺酯漆包銅線

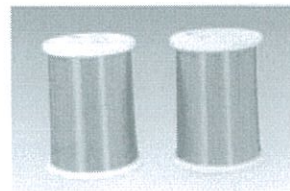
Dây điện từ Polyester-Imide có tính tự hàn
Solderable Polyester-Imide Enameled Wire
耐温等級 : 180°C
Cấp chịu nhiệt: 180°C
Thermal Rating: 180°C



PVF

聚乙炔甲酯漆包銅線

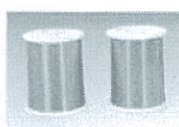
Dây điện từ Polyvinyl Formal
Polyvinyl Formal Enameled Wire
耐温等級 : 105°C
Cấp chịu nhiệt: 105°C
Thermal Rating: 105°C



EAIW

醃胺亞胺外被變性聚胺酯漆包銅線

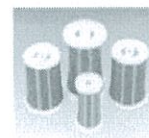
Dây điện từ Polyester-Imide được phủ Amide-Imide
Amide-Imide Overcoated Polyester-Imide Enameled Wire
耐温等級 : 200°C
Cấp chịu nhiệt: 200°C
Thermal Rating: 200°C



EIW

聚胺亞胺漆包銅線

Dây điện từ Polyester-Imide
Polyester-Imide Enameled Wire
耐温等級 : 180°C
Cấp chịu nhiệt: 180°C
Thermal Rating: 180°C

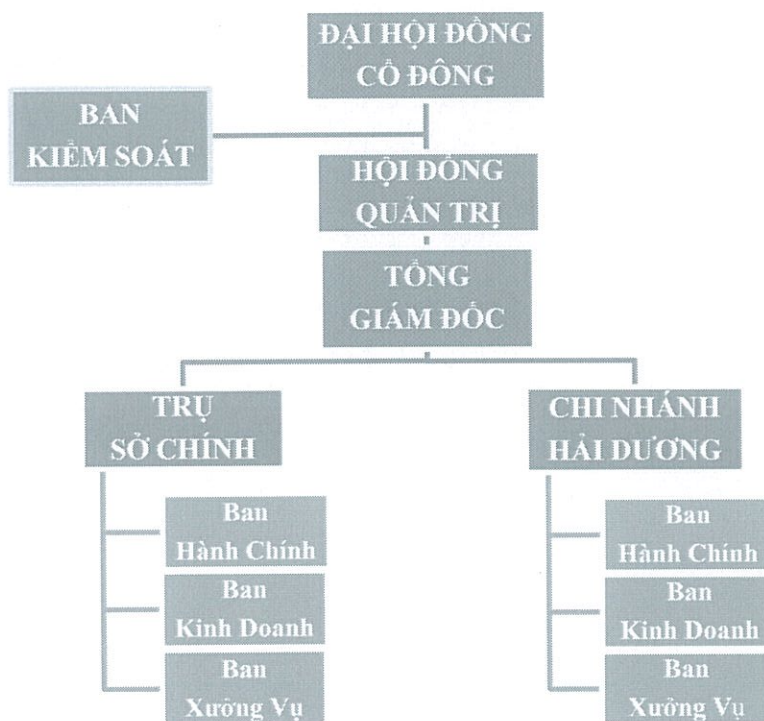


3.3. Địa bàn kinh doanh:

- Địa bàn kinh doanh của công ty trải rộng khắp cả nước, chủ yếu chia thành hai phần. Thị trường từ thành phố Đà Nẵng trở vào miền nam do trụ sở chính tại tỉnh Đồng Nai phụ trách kinh doanh, chi nhánh công ty tại tỉnh Hải Dương phụ trách cung cấp hàng hóa cho thị trường từ thành phố Đà Nẵng trở ra miền bắc.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị của công ty



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty

- **Trụ sở chính và nhà máy tại tỉnh Đồng Nai:** Nơi đặt nhà máy sản xuất của Công ty tại phía Nam, có văn phòng làm việc của Tổng Giám Đốc và Các Ban chuyên trách gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban Kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ.

Địa chỉ: Số 1, đường 1 A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 061-3836 361-4

Fax: 061-3836 388

E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw

Website: www.taya.com.vn

- **Chi nhánh tại tỉnh Hải Dương:** Nơi đặt nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện cung cấp cho thị trường từ các tỉnh phía Bắc đến Đà Nẵng. Chi nhánh Hải Dương có cơ cấu tổ chức bộ máy tương tự như tại Nhà máy ở Đồng Nai. Trụ sở chính và các ban chuyên trách của Chi nhánh đặt tại Nhà máy. Đứng đầu chi nhánh là Phó Tổng Giám Đốc Taya Việt Nam.

Địa chỉ: Km 35 QL 5 – Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0320 – 3775888 0320 – 3775890~892 Fax: 0320 – 3775 896

Email: ck_chen@mail.taya.com.tw

Website: www.taya.com.vn

- **Văn phòng đại diện tại Tp.HCM:** Nơi đặt văn phòng liên lạc thương mại cung cấp dây điện và cáp điện cho thị trường Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành lân cận.

Địa chỉ: Số 135/17/25-27, đường Nguyễn Hữu Cánh, phường 22 quận Bình Thạnh, Tp.HCM.

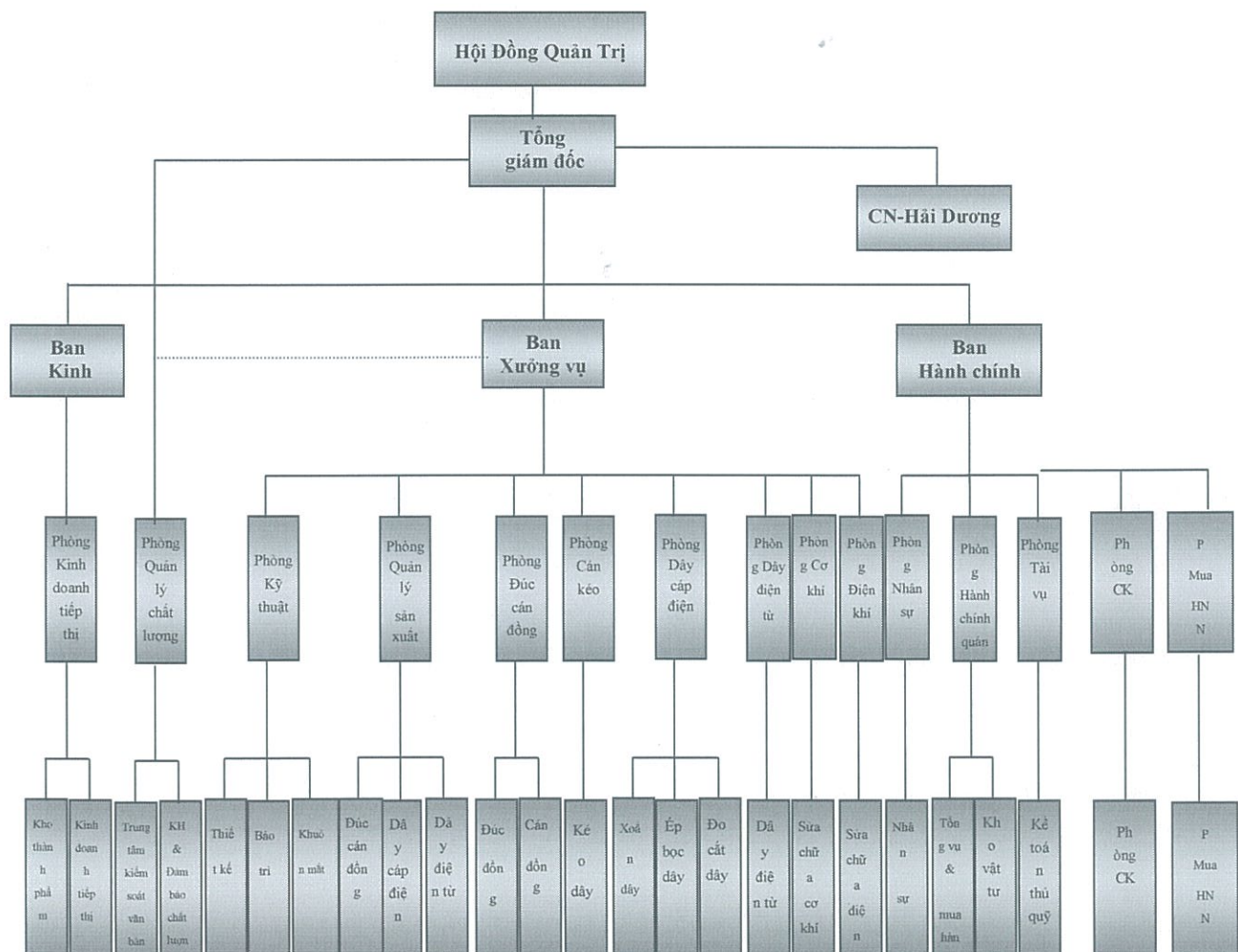
Điện thoại: 08-35128861-3

Fax: 08-35128790

E-mail: kao@mail.taya.com.tw

Website: www.taya.com.vn

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



- **Các ban chuyên trách:** Là những ban trực tiếp điều hành công việc của nhà máy theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc (đối với chi nhánh Hải Dương). Cơ cấu tổ chức của Taya được thiết lập bao gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ. Chức năng nhiệm vụ của các Ban được quy định như sau:

Ban Hành chính quản trị: Có chức năng quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý chứng khoán và quản lý tổng vụ. Thực hiện nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, lương và các chính sách cho người lao động, xuất nhập khẩu và mua nguyên vật liệu, mua văn phòng phẩm và các thiết bị văn phòng, quản lý kho nguyên liệu...

Ban kinh doanh tiếp thị: Có chức năng trong việc xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động tiếp thị. Thực hiện nhiệm vụ mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, tham gia đấu thầu cung cấp sản phẩm, xây dựng giá bán và đưa ra giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy bán hàng, quản lý kho thành phẩm, vận tải hàng hóa...

Ban xưởng vụ: Có chức năng trong việc điều hành sản xuất và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch sử dụng nguyên liệu, thực hiện các việc kiểm tra chất lượng, bảo trì sửa chữa và vận hành các máy móc thiết bị.

5. Định hướng phát triển

5.1. Mục tiêu chủ yếu

- Xây dựng công ty trở thành nhà sản xuất dây và cáp điện hàng đầu tại Việt Nam, sản phẩm đạt chất lượng cao, đủ khả năng thay thế hàng nhập khẩu.
- Phát triển thương hiệu Taya lớn mạnh trên thị trường Việt Nam và khu vực.
- Tăng trưởng doanh thu xuất khẩu đạt trên 20%/năm.
- Chiếm 20% thị phần sản xuất dây cáp điện trong nước.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Thiết lập mục tiêu kinh doanh, sáng tạo lợi nhuận và tối đa hóa tăng trưởng giá trị tài sản dài hạn cả tài sản hữu hình và vô hình, kết hợp toàn diện mọi hỗ trợ đến từ các đối tác kinh doanh liên quan như: các nhà cung ứng, nhà tiêu dùng, nhân viên công ty và các tổ chức xã hội ... chuyển đổi ý tưởng “kinh doanh thu lợi” thành ý tưởng “đổi mới thu lợi” bao gồm: Đổi mới chiến lược về quản lý, kỹ thuật, sản phẩm và bán hàng thúc đẩy công ty phát triển lớn mạnh và bền vững.

A. Phát triển thị trường:

1. Tận dụng ưu thế thương hiệu, kỹ thuật và quản lý, tạo mối quan hệ liên kết hợp tác ngành, mở rộng quy mô kinh doanh và nâng cao vị thế trong tỷ trọng ngành.
2. Phát triển sản phẩm ngôi sao cáp điện trung cao áp, cáp điện chịu nhiệt, chống cháy, cáp điện ít khói không độc.
3. Phát triển sản xuất sản phẩm dây cáp điện bảo vệ môi trường.

B. Phát triển nguồn nhân lực:

1. Đào tạo, nâng cao tay nghề công nhân.
2. Thu hút nhân sự có năng lực.
3. Tập huấn tại nước ngoài.
4. Đãi ngộ phù hợp với xu thế chung.

C. Đầu tư phù hợp:

Giá nguyên liệu đồng thường bị chi phối bởi cung cầu thị trường thế giới và hệ lụy trong đầu cơ tích trữ của các định chế tài chính, các quỹ đầu tư quốc tế và tác động của tỷ giá hối đoái biến động, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động của công ty. Nhằm giảm thiểu rủi ro trên, công ty áp dụng chiến lược mua hàng tập trung linh động với khối lượng lớn để tạo lợi thế đàm phán về giá. Ngoài ra, công ty tìm thêm nguồn cung nguyên liệu đồng tại chỗ thanh toán bằng VNĐ và đẩy mạnh xuất khẩu tăng nguồn thu ngoại tệ cần thiết cho công ty.

5.3. Các mục tiêu đối với "môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

➤ Mục tiêu bảo vệ môi trường an toàn, sạch, đẹp

Những năm qua, Tập đoàn Taya đã huy động mọi nguồn lực nghiên cứu phát triển, sản xuất ra thị trường các loại cáp điện bảo vệ môi trường và sản phẩm Dây điện từ cách điện 3 lớp (0.6~1.0mm) đã nhận Chứng nhận hợp chuẩn "Dấu Chân Carbon" (lượng khí CO₂ thải), những sản phẩm trên sử dụng nguyên liệu nhựa (pvc) không hàm chứa nguyên tố HALOGEN (F, Cl, Br, I, At, Uus) độc hại, có khả năng chống lan cháy, ít khói không độc (không sản sinh ra khí độc Dioxin, Hydracid khi bị cháy). Những công trình công cộng và nhà ở sử dụng sản phẩm của công ty sẽ cảm nhận được sự đảm bảo an toàn không độc hại, góp phần tạo dựng môi trường sống lành mạnh, sạch đẹp trong xã hội chúng ta.

➤ Mục tiêu trách nhiệm xã hội và cộng đồng

Việc kinh doanh và hoạt động của một công ty sẽ mang lại những ảnh hưởng không chỉ riêng cho công ty, mà còn ảnh hưởng góp phần tạo dựng hạnh phúc xã hội. Một công ty được gọi là phát triển bền vững, phải là một công ty cùng hài hòa, cùng phát triển, cùng tồn tại với nơi công ty đặt trụ sở tại đó. Từ nhiều năm qua, công ty không ngừng tài trợ học bổng khích lệ sinh viên, con em công nhân nỗ lực học hành, tài trợ học phí toàn phần cho những cán bộ công nhân có ý muốn học chuyên sâu nghề, ngoại ngữ hoặc tiếp tục hoàn thành chương trình đại học từng bị gián đoạn, giúp người lao động trang bị kiến thức, cải tiến năng lực nghề nghiệp, tạo dựng cơ hội việc làm cho xã hội.

5.4. Mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu không ổn định và tác động bởi giá dầu thô giảm mạnh dưới 30 USD/thùng, mọi cá thể kinh tế đều đứng trước thách thức lớn về sự phát triển bền vững. Mỗi công ty phải tự chịu trách nhiệm đối với mục tiêu phát triển của công ty mình. Dựa theo tính đặc thù và nhiệm vụ khác biệt sẽ có những phương pháp, mục tiêu, quy mô và công cụ khác nhau được áp dụng để xây dựng, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và đó chính là chính sách và mục tiêu lâu dài của công ty được đặt lên hàng đầu như sau:

A. Về mặt chính sách :

Chính sách CSR

Trên con đường CSR, công ty hiểu ra một doanh nghiệp cần quan tâm không chỉ riêng cho công ty của mình mà còn phải tìm ra một con đường để chính sách phát triển của công ty trùng khớp, phù hợp với Chính sách CSR. Cách của chúng tôi là kết hợp CSR với chiến lược phát triển thương mại để trở thành một thương hiệu có trách nhiệm, chúng tôi cho rằng thương hiệu là tài sản rất quan trọng của một doanh nghiệp.

➤ **Tầm nhìn:** Phấn đấu trở thành thương hiệu dẫn đầu tiếp nối nguồn năng lượng, sản phẩm thân thiện với môi trường, là bàn tay xúc tiến xây dựng quê nhà an toàn sạch đẹp, là chỗ dựa vững chắc, được công nhân lao động, khách hàng, cổ đông và xã hội tin cậy.

➤ **Thực hành và theo đuổi:** Gắn kết với công nghệ kỹ thuật hiện đại, cam kết chính sách CSR trùng khớp với chính sách phát triển doanh nghiệp, quyết tâm tiến tới mục tiêu phát triển bền vững.

➤ **Giá trị ý tưởng:** Không ngừng nâng cao sự hoàn hảo, cùng tồn tại cùng phát triển, vững vàng, thành tín, sáng tạo đổi mới.

6. Các rủi ro:

Rủi ro tỷ giá hối đoái: Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bán, mua và đi vay bằng ngoại tệ chủ yếu là USD. Rủi ro tỷ giá hối đoái của công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất trong năm:

Năm 2015 doanh thu đạt khoảng 1.408,8 tỷ đồng, tăng 14,32% so với kế hoạch, tăng 16,27% so với thực hiện năm 2014; Lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 62,5 tỷ đồng tăng 55,07% so với kế hoạch, tăng 37,65% so với thực hiện năm 2014.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu năm 2015 khoảng 4,44% tăng 1,17% so với 3,27% dự tính năm 2014. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn cổ phần 2015 khoảng 22,40% tăng 7,95% so với 14,45% dự tính của năm 2014.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

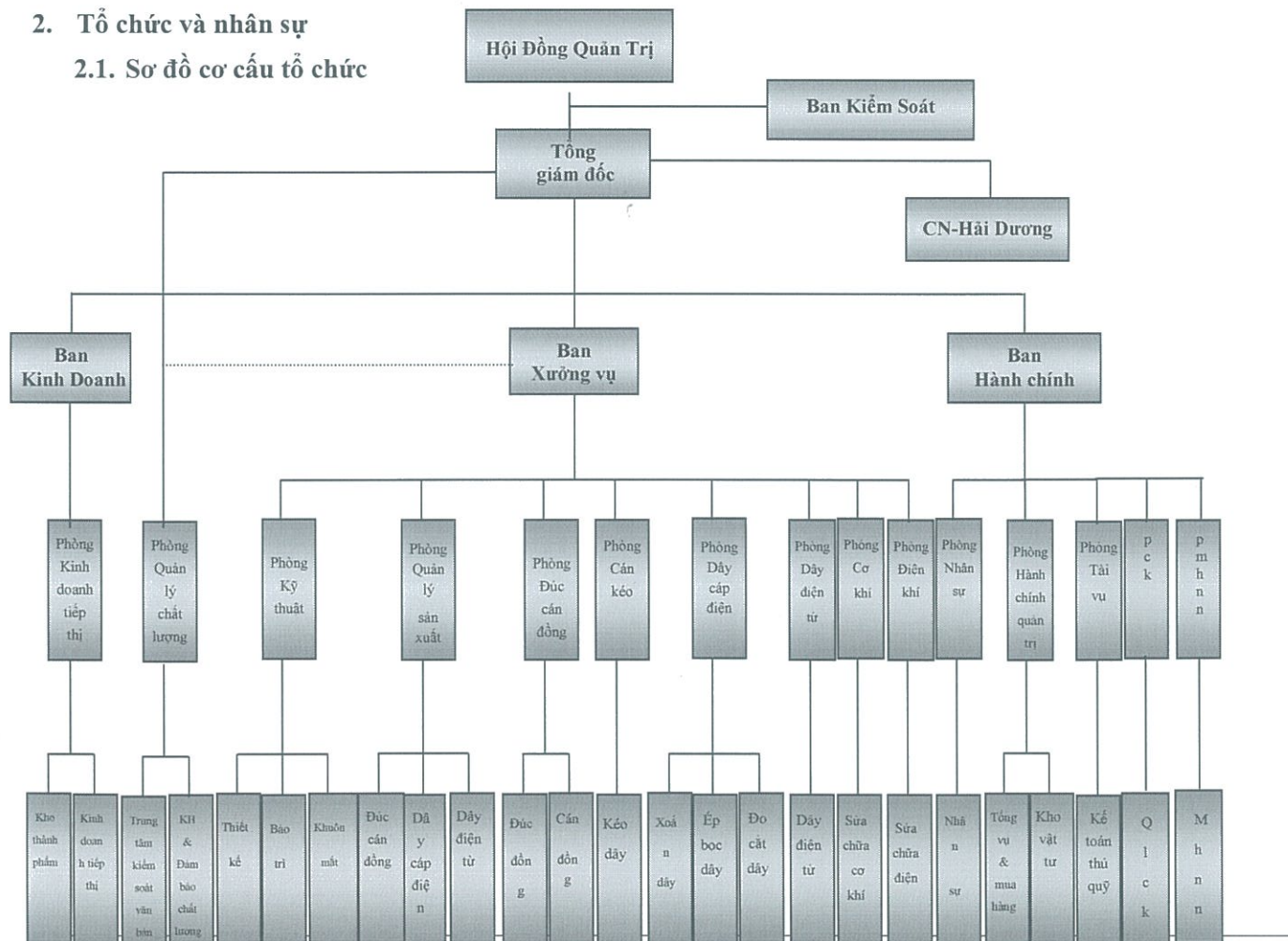
CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Tăng/giảm Kim ngạch	Tăng/giảm so với KH (%)
Vốn điều lệ (triệu đồng)	279.014	279.014	-	-
Doanh thu (triệu đồng)	1.232.405	1.408.889	176.484	14,32
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	48.013	77.338	29.325	61,08
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	40.304	62.499	22.195	55,07
LN sau thuế/Doanh thu (%)	3,27	4,44	1,17	35,78
LN sau thuế/Vốn cổ phần (%)	14,45	22,40	7,95	55,02

Phân tích nguyên nhân:

Doanh thu năm 2015 tăng 14,32%, lợi nhuận sau thuế tăng 55,07% đạt khoảng 62,5 tỷ đồng tăng 22,1 tỷ đồng so với kế hoạch. Nguyên nhân do kinh tế Việt nam dần được phục hồi, sản xuất công nghiệp và lĩnh vực xuất khẩu gia tăng liên tục, sự điều tiết linh hoạt trong kế hoạch nhập khẩu nguyên vật liệu giảm giá thành và chi phí tài chính, sự ổn định trong chính sách tiền tệ và kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty đã phát huy hiệu quả, công ty bán hàng nhiều hơn và kinh doanh có lãi.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức



2.2. Danh sách Ban điều hành:

- Ông Wang Ting Shu

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học khoa học kỹ thuật Viễn Đông Đài Loan.

Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

- Ông Chen Chung Kuang

Chức vụ hiện tại: phó Tổng giám đốc.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học văn hóa Trung Quốc Đài Loan, MBA New York Institute of Technology

Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

- Ông Sung Hsiang Lin

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Cử nhân Tài chính kế toán Aletheia University Đài Loan.

Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Không thay đổi.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 các khoản đầu tư lớn

- Không có.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết

- Không có.

4. Báo cáo tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	773.816.378.646	721.347.152.572	7,27
Doanh thu thuần	1.408.889.942.553	1.211.694.332.208	16,27
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	77.448.693.777	52.430.278.313	47,72
Lợi nhuận khác	39.631.263	852.563.618	-95,35
Lợi nhuận trước thuế	77.338.429.746	53.012.095.033	45,89
Lợi nhuận sau thuế	62.499.389.051	45.403.378.986	37,65
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2.241	1.628	37,65

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2015	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/nợ ngắn hạn)	%	171,88	164,45	
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	%	120,19	116,01	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	49,99	50,99	
+ Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	99,98	104,06	

CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2015	Năm 2014	Ghi chú
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	%	671,69	687,20	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	182,07	167,98	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,44	3,75	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	16,15	12,84	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	8,08	6,29	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,50	4,33	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty tại thời điểm báo cáo là: 27.901.377 cổ phần thuộc cổ phần phổ thông, trong đó số lượng cổ phiếu quỹ là: 9.363 cổ phần. Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do là: 5.569.130 cổ phần. Số lượng cổ phần chưa niêm yết là : 22.322.884 cổ phần, hạn chế chuyển nhượng là 8.370.413 cổ phần (theo cam kết của người sở hữu là cổ đông sáng lập nước ngoài).

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng cổ phần	3.911.635	14,02	23.989.742	85,98	27.901.377	100
Sở hữu nhà nước	-	-	-	-	-	-
Cổ đông sáng lập	-	-	22.322.884	80,01	22.322.884	80,01
Cổ đông pháp nhân	92.920	0,34	350.000	1,25	442.920	1,59
Cổ đông cá nhân	3.808.905	13,65	739.670	2,65	4.548.575	16,30
Pháp nhân chuyên nghiệp	447	0,00	577.188	2,07	577.635	2,07
Cổ phiếu quỹ	9.363	0,03	-	-	9.363	0,03
Tổng cộng	3.911.635	14,02	23.989.742	85,98	27.901.377	100

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm:

- Không thay đổi.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm:

- Không giao dịch.

5.5. Phát hành chứng khoán khác trong năm:

- Không phát hành.

6. Báo cáo tác động môi trường và xã hội

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm chính trong năm 2015

- Nguyên vật liệu chính của dây cáp điện là nguyên liệu đồng tấm nhập khẩu và hạt nhựa PVC thu mua trong nước. Nguyên liệu chính của sản phẩm dây điện từ là sơn Vecni cách điện nhập khẩu. Trong năm 2015 công ty nhập khẩu đồng tấm khoảng 5.724,4 tấn, mua trong nước 2.750,3 tấn, tổng cộng 7.974,7 tấn,

nhập khẩu sơn Vecni cách điện 25,6 tấn. Mua hạt nhựa PVC trong nước khoảng 2.503,5 tấn. Sử dụng lu lô gỗ đóng gói dây cáp điện các loại khoảng 10.774 cái/năm.

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm

- 0%.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp năm 2015 là: 15.307.200 kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

- Không có

c) Báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

- Không có

6.3. Tiêu thụ nước năm 2015

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Lượng nước sử dụng trong kinh doanh sản xuất của công ty năm 2015 là 21.634 m³ do Công ty cấp nước Sonadezi Đồng Nai cung cấp.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

- Không có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

- 01 lần vi phạm hành chính do sự cố môi trường về nước thải sinh hoạt.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

- 10.000.000 đồng.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lao động tại Trụ sở chính Đồng Nai và Chi nhánh Hải Dương đến thời điểm 31/12/2015 là 447 người với 115 cán bộ quản lý. Lao động nước ngoài chiếm 2,9% tổng số lao động và chủ yếu giữ các vị trí quản lý. Trình độ văn hóa của lao động chiếm tỷ lệ như sau: trình độ đại học cao đẳng và trên đại học chiếm 25%, trung cấp chiếm 20% và trung học phổ thông trở xuống chiếm 55%. Mức lương trung bình người lao động trong công ty năm 2015 là 7.351.000 đồng/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

➤ Chương trình khám sức khỏe định kỳ:

Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể công nhân công ty, nhằm theo dõi phát hiện tình trạng sức khỏe của công nhân để biết cách dự phòng, điều trị và gìn giữ sức khỏe.

➤ Đo kiểm môi trường làm việc:

Một năm hai lần Công ty tổ chức đo kiểm môi trường làm việc của người lao động nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh lao động cho công nhân công ty.

➤ **Chính sách lương:**

Căn cứ trình độ chuyên môn áp dụng mức cao hơn mức lương qui định hiện hành của chính phủ. Khi kết thúc thời gian thử việc, qua đánh giá khả năng làm việc công nhân được nhận làm việc chính thức. Khi đó mức lương sẽ được tăng lên từ 7% - 15% tùy vị trí. Mỗi năm (thường là vào cuối năm) dựa vào kết quả đánh giá công ty điều chỉnh tăng lương cho nhân viên. Việc tính toán lương tăng ca, làm đêm theo quy định của Luật Lao động.

Ngoài tiền lương, người lao động tùy theo vị trí công việc mà được hưởng các khoản trợ cấp như trợ cấp làm đêm, trợ cấp chức vụ, trợ cấp chuyên cần, trợ cấp giao thông, trợ cấp khác...

➤ **Chính sách thưởng:**

Nhân viên Công ty làm việc trên 1 năm được thưởng tháng lương thứ 13 Hoặc từ 2 tháng lương bình thường trở lên tùy theo lợi nhuận hàng năm của Công ty. Năm 2015 công ty thưởng 02 tháng lương cơ bản cho toàn thể nhân viên.

Ngoài mức thưởng trên, nhân viên còn được hưởng các phúc lợi khác vào dịp lễ 30/4, 1/5, tặng quà vào dịp tết Trung thu, được công ty chi trả tiền đồng phục, tiền cơm trưa.

Hỗ trợ nhân viên lễ cưới, khi đau ốm, tai nạn lao động và tang lễ:

Tiền mừng lễ cưới đối với nhân viên làm việc trên 1 năm là 1.000.000 đồng; làm việc dưới 1 năm là 700.000 đồng; 500.000 đồng đối với lễ cưới con cái nhân viên công ty. Khi nhân viên bị đau ốm hoặc tai nạn lao động tiền thăm hỏi là 300.000 đồng còn tang lễ là 1.000.000 đồng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

➤ **Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên**

- Tổng số giờ đào tạo: 1.060 giờ, trung bình 4 giờ cho một nhân viên theo phân loại nhân viên.

➤ **Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp**

- Theo các quy định về nâng cao trình độ chuyên môn đối với nhân viên. Hỗ trợ các khóa học đào tạo ngoại ngữ và tay nghề, tiếp tục chương trình Đại học cho những công nhân có nhu cầu học tập và có thành tích đạt yêu cầu.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Hàng năm Công ty hỗ trợ học bổng cho Trường cao đẳng Sonadezi tại Đồng Nai và học bổng cho con em của người lao động trong công ty.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

- Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

ĐVT: đồng				
CHỈ TIÊU	2015	2014	Tăng/Giảm	% Tăng/giảm
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.408.889.942.553	1.211.694.332.208	197.195.610.345	16,27
2. Giá vốn hàng bán	1.269.967.366.547	1.112.329.535.245	157.637.831.302	14,17
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	138.922.576.006	99.364.796.963	39.557.779.043	39,81
4. Doanh thu hoạt động tài chính	13.279.819.566	9.176.823.907	4.102.995.659	44,71

5. Chi phí tài chính	23.343.597.463	9.260.162.682	14.083.434.781	152,09
6. Chi phí bán hàng	23.197.645.282	20.453.988.011	2.743.657.271	13,41
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.212.459.050	26.397.191.864	1.815.267.186	6,88
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	77.448.693.777	52.430.278.313	25.018.415.464	47,72
9. Thu nhập khác	39.631.263	852.563.618	-812.932.355	-95,35
10. Chi phí khác	149.895.294	270.746.898	-120.851.604	-44,64
11. Lợi nhuận trước thuế	77.338.429.746	53.012.095.033	24.326.334.713	45,89
12. Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.911.262.172	7.863.095.555	7.048.166.617	89,64
13. Thu nhập(chi phí)thuế thu nhập hoãn lại	(72.221.477)	(254.379.508)	182.159.031	-71,61
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	62.499.389.051	45.403.378.986	17.096.010.065	37,65
15. Lãi lỗ cơ bản trên cổ phần	2.241	1.628	613	37,65

Phân tích tổng quan hoạt động công ty

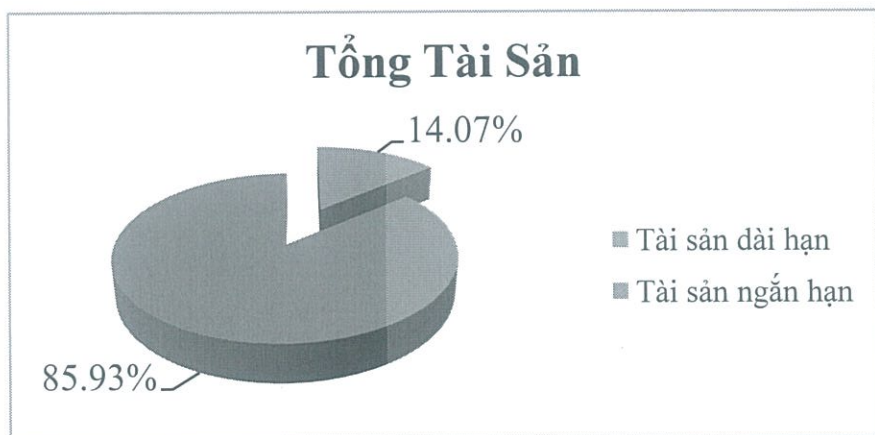
So sánh kết quả kinh doanh năm 2015 và năm 2014 có nhiều thay đổi đáng kể:

- **Doanh thu:** Doanh thu năm 2015 khoảng 1.408,8 tỷ đồng tăng 16,27% so với năm 2014. Trong đó, tiêu thụ nội địa chiếm 80% và xuất khẩu chiếm 20% (giảm 3%) so với năm 2014. Chủ yếu do tăng doanh thu xuất khẩu nước Campuchia, Lào, Myanmar và xuất khẩu tại chỗ tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.
- **Chi phí bán hàng/doanh thu:** Chi phí này năm 2015 ở mức 1,65% thấp hơn mức 1,69% của năm 2014 trong khi doanh thu năm 2015 tăng 16,27%, phản ánh việc quản lý chi phí bán hàng của công ty rất hiệu quả.
- **Chi phí quản lý/doanh thu:** Chi phí này năm 2015 ở mức 2% thấp hơn mức 2,18% của năm 2014 phản ánh việc quản lý chi phí của công ty rất hiệu quả.
- **Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính năm 2015 khoảng 1,66% thấp hơn nhiều so với mức 0,76% của năm 2014, chủ yếu do VND trượt giá so với USD quy đổi năm 2015.
- **Giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo(Book Value):**

Chỉ tiêu	2015	2014	2013
Giá trị sổ sách (đồng/cp)	13.866	12.663	11.042

2. Tình hình tài chính

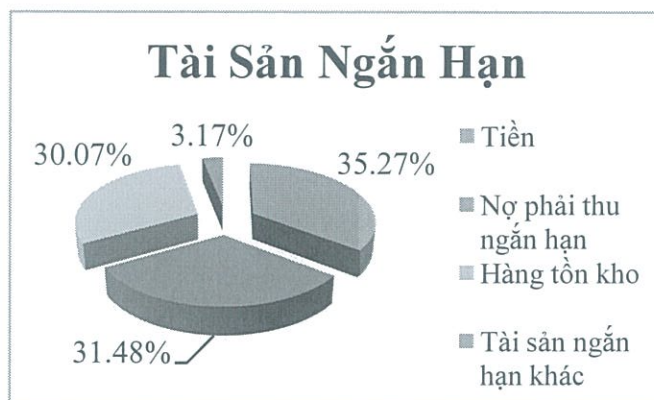
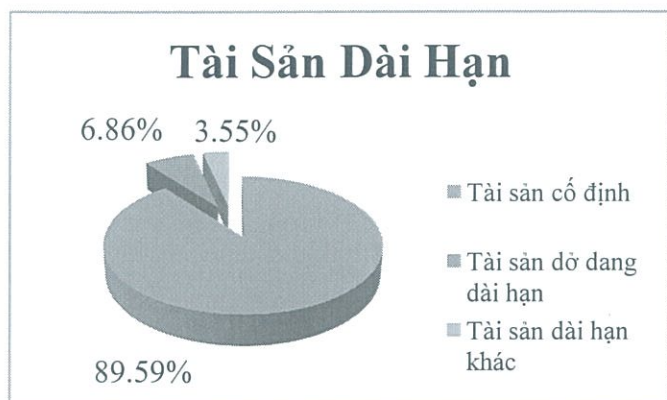
a. Tình hình tài sản



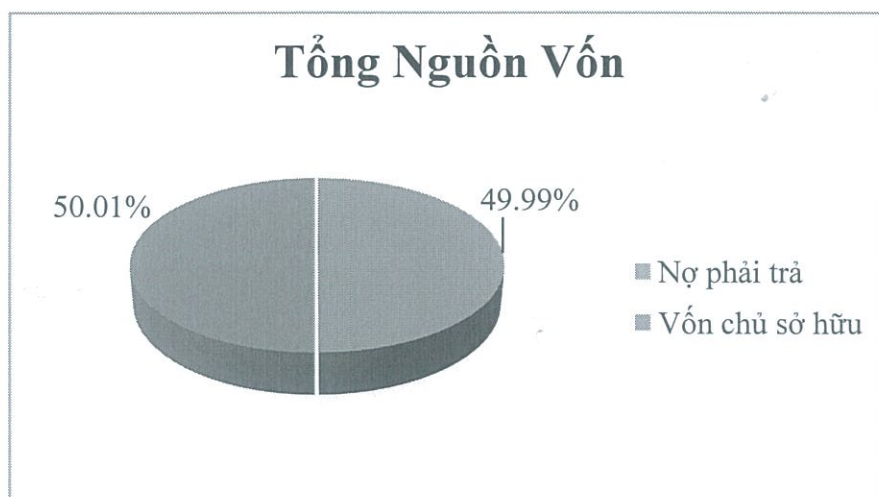
- Tổng tài sản công ty năm 2015 là 773.816.378.646 đồng, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 85,93%, tỷ lệ này tuy hơi cao, nhưng do tài sản ngắn hạn trong thời gian ngắn đã hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Vì

vậy, khi dự tính cho thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường dễ hơn và tương đối chuẩn xác, thị trường biến động ít do trong thời gian ngắn hạn rủi ro về kinh doanh tương đối nhỏ.

- Ngược lại, đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định phải trong thời gian dài mới hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Trong điều kiện thời gian dài thì thị trường biến động khó lường, công ty dự tính thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường khó hơn và thiếu tính chuẩn xác.
- Cơ cấu tài sản khác nhau sẽ gặp phải những rủi ro cũng khác nhau. Tài sản dài hạn, tài sản cố định càng lớn thì mức độ hứng chịu rủi ro cũng sẽ lớn.

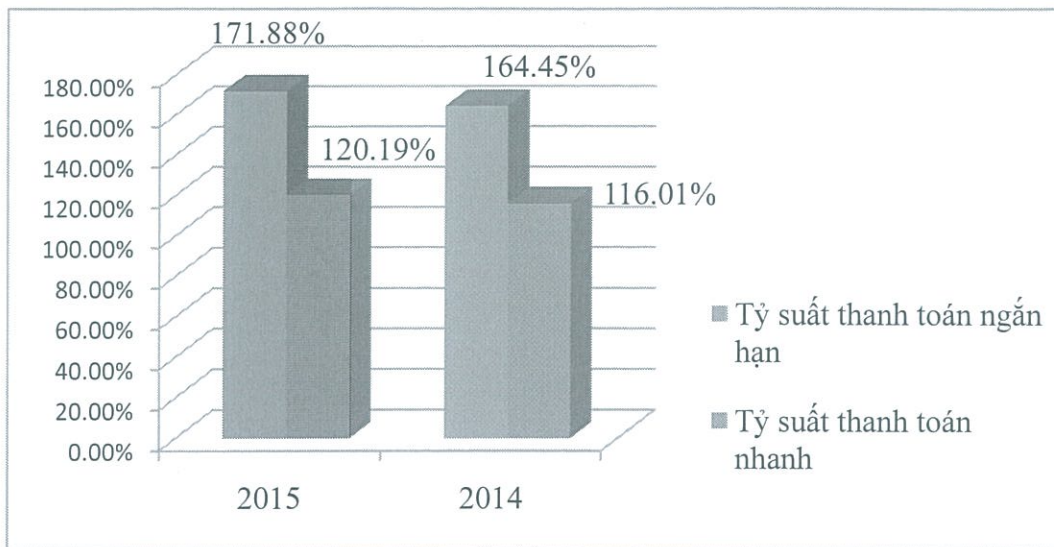


b. Tình hình nợ phải trả:



- Nợ phải trả Công ty năm 2015 khoảng 386,6 tỷ đồng, chiếm 49,99% Tổng nguồn vốn (khoảng 773,8 tỷ đồng). Trong đó, Vay ngắn hạn khoảng 187,4 tỷ đồng, chiếm 48,44% nợ ngắn hạn, khoản vay này chủ yếu dùng để chi trả nguyên liệu đồng tấm nhập khẩu.
- Nợ ngắn hạn cao sẽ ảnh hưởng đến giá trị của Doanh nghiệp và có những rủi ro nhất định, nhưng đối với một Doanh nghiệp sản xuất ổn định như Taya Việt Nam, phần lớn nợ ngắn hạn đều mang tính chiếm dụng luân chuyển và tính ổn định nhất định, đó ví như một khoản tiền vốn chiếm dụng dùng để tích trữ nguyên vật liệu sản xuất, bán thành phẩm và sản phẩm mà Doanh nghiệp liên tục luân chuyển sử dụng. Nợ ngắn hạn phải đồng thời với việc đánh giá đúng năng lực thanh toán của mình mới có thể tránh khỏi những rủi ro cho Doanh nghiệp.
- Chỉ số ROE năm 2015 của công ty là 16,15% tăng 3,31 điểm so với 12,84% của năm 2014 phản ánh khả năng lợi nhuận tốt hơn năm 2014.

c. Năng lực thanh toán:



- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2015 là 171,88% cao hơn 164,45% của năm 2014, phản ánh năng lực huy động vốn lưu động để thanh toán nợ ngắn hạn của công ty năm 2015 tốt hơn năm 2014, tức vốn ngắn hạn của công ty dồi dào không xảy ra nguy cơ mất khả năng thanh toán.
- Hệ số thanh toán nhanh năm 2015 là 120,19% cao hơn 116,01% của năm 2014, chủ yếu do tăng tiền và các khoản tương đương tiền, thể hiện năng lực thanh toán nhanh của công ty rất lý tưởng.

d. Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.*

- **Nợ phải trả năm 2015** của công ty khoảng 386,8 tỷ đồng, nợ ngắn hạn này tuy lớn nhưng hoàn toàn nằm trong năng lực chi trả của công ty. Các khoản phải thu ngắn hạn của công ty vào khoảng 209,3 tỷ đồng và giá trị hàng tồn kho khoảng 199,9 tỷ đồng vẫn cân đối cao hơn nợ phải trả.
- **Chênh lệch tỉ lệ giá hối đoái** sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất của công ty. Cụ thể vào tháng 8 năm 2015 công ty tổn thất chênh lệch tỷ giá hối đoái khoảng 9 tỷ đồng do ngân hàng trung ương điều chỉnh VND trượt giá tổng cộng 5%.
- **Chênh lệch lãi vay** các ngân hàng thương mại không nhiều ít gây ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Không thay đổi.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu trên 30%, xuất khẩu 25%, lợi nhuận sau thuế trên 60 tỷ đồng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

- Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Hiện trạng môi trường tại công ty theo kết quả đo đạc chất lượng môi trường ngày 30/12/2015 do Viện Nước và Công nghệ môi trường Tp. HCM thực hiện:

- **Chất lượng môi trường không khí:** Tất cả các chỉ tiêu đo đạc, phân tích tại các vị trí lấy mẫu tại công ty đều đạt tiêu chuẩn cho phép, QCVN 05: 2013/BTNMT, QCVN 26: 2010/BTNMT và TCVSLĐ3733/2002/BYT/QĐ.
- **Chất lượng môi trường nước thải:** Tất cả các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải vào cống thu gom thoát nước của KCN Biên Hòa II.
- **Thu gom chất thải rắn đặc biệt nguy hại:** Đã bố trí nhiều thùng chứa chất thải từng khu vực cục bộ. Hằng ngày có đội vệ sinh đến thu gom, vận chuyển về kho lưu trữ riêng biệt.
- Đã được cấp Sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải chất thải nguy hại.
- Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân và các thiết bị, dụng cụ PCCC trong từng khu vực.

Qua kết quả đo đạc trên, hiện trạng môi trường của công ty đã đạt tiêu chuẩn và phù hợp với quy định về pháp luật môi trường tại Việt Nam.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng phát thải...)/

- Năm 2015 công ty tiêu thụ nước 21.634 m³ trong đó lượng nước sinh hoạt như nấu cơm cho công nhân ăn, vệ sinh cá nhân và tưới tiêu vườn hoa cây xanh trong công ty chiếm khoảng 12.980 m³. Số 8.654 m³ còn lại sử dụng trong hoạt động sản xuất chủ yếu là nước tuần hoàn làm nguội máy móc thiết bị không thải ra ngoài. Tỷ lệ hao hụt do bốc hơi không đáng kể không gây ảnh hưởng đến môi trường. Nước thải sinh hoạt phù hợp tiêu chuẩn quy định.
- Năng lượng điện tiêu hao trong sản xuất trung bình 1.275.600 kw/tháng tính trên giá trị sản phẩm doanh thu khoảng 1.401 tỷ đồng không phải là cao, năng lượng điện là năng lượng sạch không gây ảnh hưởng môi trường và được tận dụng 100% trong hoạt động sản xuất.
- Các chất thải rắn được thu gom xử lý theo quy định của pháp luật môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Công ty hoạt động tuân thủ mọi quy định của pháp luật hiện hành, mọi quyền lợi hợp pháp của công nhân đều được đảm bảo và thực thi. Công nhân được tự do tổ chức, tham gia hoạt động công đoàn và được công ty hỗ trợ kinh phí hoạt động. Mỗi quý một lần công ty tiến hành đối thoại dân chủ giữa người lao động và người sử dụng lao động tại nơi làm việc của công nhân trong công ty, hai bên cùng nhau thảo luận, trao đổi ý kiến và tháo gỡ thắc mắc liên quan đến trách nhiệm nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động và người sử dụng lao động. Vì vậy, mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động trong công ty diễn ra rất hài hòa và gắn bó với nhau. Công ty rất tự hào không hề xảy ra vấn đề tranh chấp lao động và công nhân tổ chức đình công.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 khiến công ty lỗ nặng trên 110 tỷ đồng, qua quyết tâm phấn đấu khắc phục hậu quả công ty đã bù đắp hết lỗ lũy kế và thực hiện chia cổ tức năm 2014 cho cổ đông công ty. Tuy lợi nhuận không nhiều nhưng đã thể hiện tinh thần gánh vác và vai trò trách nhiệm của ban lãnh đạo trong phát triển bền vững, ổn định hoạt động sản xuất, tạo dựng công ăn việc làm cho công nhân lao động và đảm bảo lợi nhuận cho cổ đông. Nhiều năm qua, công ty không nợ động thuế luôn hoàn thành nghĩa vụ thuế và hỗ trợ quỹ học bổng cho sinh viên địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty

Trong bối cảnh tổng thể kinh tế toàn cầu phát triển trì trệ và khó khăn, kết quả hoạt động năm 2015 của công ty doanh thu tăng 16,27%, lợi nhuận sau thuế nhiều hơn so với năm 2014 và vượt trên kế hoạch mục tiêu năm 2015 là một thành quả đáng được khích lệ.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty

Trong quá trình thực hiện quản trị công ty năm 2015, Ban giám đốc luôn tuân thủ pháp luật và quy chế nội bộ của công ty không vi phạm pháp luật, tình hình hoạt động tài chính lành mạnh, không có dấu hiệu khác thường hoặc sử dụng vốn sai lệch mục đích, hoặc đầu tư ngành nghề khác khi chưa được Hội đồng quản trị chấp thuận.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong điều kiện kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn và khó khăn, kinh tế Việt Nam năm 2015 thuộc một trong số ít quốc gia giữ được tốc độ phục hồi rất ấn tượng. Tốc độ tăng trưởng GDP Việt nam năm 2015 đạt 6,68% cao hơn 5,98% của năm 2014.

Triển vọng phát triển kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định trong năm 2016. Vì vậy, theo điều kiện khách quan Hội đồng quản trị dự tính kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2016 cụ thể như sau:

Đvt: (Nghìn đồng)

CHỈ TIÊU	2016
Doanh thu thuần	1.433.458.134
Lợi nhuận gộp	67.566.783
Lợi nhuận trước thuế	67.353.812
Chi phí thuế TNDN	13.416.438
Lợi nhuận sau thuế	53.937.374

Các số liệu trình bày trên đây là dựa trên cơ sở dự tính giá đồng bình quân trong năm ở mức 5.600USD/T và tỷ giá ổn định ở mức 23.380VND/USD.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Ông Shen Shang Pang

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam

Phó chủ tịch HĐQT Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1953

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Học viện Côn Sơn, Đài Loan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 72.504 cổ phần (0,26%).

Ông Shen Shang Tao

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Phó Tổng giám đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 16/12/1960

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học Nam California, Hoa Kỳ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 40.666 cổ phần (0,15%).

Ông Shen Shang Hùng

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Chủ tịch HĐQT Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 16/11/1958

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Đài Loan, MBA Đại Học Emory, Hoa Kỳ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 42.220 cổ phần (0,15%).

Ông Shen San Yi

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Tổng Giám Đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 09/3/1961

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Côn Sơn, Đài Loan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 83.941 cổ phần (0,30%).

Ông Wang Ting Shu

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1954

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học khoa học kỹ thuật Viễn Đông.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

Ông Tsai Chung Cheng

Chức vụ hiện tại: **Thành viên HĐQT độc lập** Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/04/1949

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Cao đẳng thương nghiệp Đài Nam.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

Ông Tu Ting Jui

Chức vụ hiện tại: **Thành viên HĐQT độc lập** Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/08/1948

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Cao đẳng thương nghiệp Đài Nam.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện tại công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nhưng Hội đồng quản trị đã thông qua và chỉ định hai ông thành viên độc lập đảm nhiệm công việc của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Ông Tsai Chung Cheng chịu trách nhiệm về công việc tiểu ban nhân sự của HĐQT.
- Ông Tu Ting Jui chịu trách nhiệm về công việc tiểu ban lương thưởng của HĐQT.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2015 HĐQT đã họp 04 lần nhằm theo dõi, nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của công ty. Trong hội nghị, Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết vay vốn ngân hàng bổ sung vốn lưu động cho công ty và nhập khẩu máy móc thiết bị hiện đại cải tiến chất lượng sản phẩm và hiệu suất sản xuất. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 đã mang lại lợi nhuận đáng kể cho công ty.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Công ty không thiết lập các tiểu ban trong Hội đồng quản trị, mà giao trách nhiệm hai ông thành viên Hội đồng quản trị độc lập chuyên trách công việc nhân sự và lương thưởng của Hội đồng quản trị. Năm 2015 Hai ông thành viên độc lập đã tham gia cuộc họp Hội đồng quản trị 4 lần, ngoài việc thảo luận, phát biểu ý kiến và đưa ra các quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh sản xuất của công ty, mà còn đặc biệt xem xét và đệ trình Hội đồng quản trị thông qua quyết định đề bạt nhân sự, kế hoạch đào tạo tay nghề và điều chỉnh lương bổng, cấp phát tiền thưởng cuối năm 2015 cho nhân viên công ty.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Do Thành viên Hội đồng quản trị của công ty là người nước ngoài đã tốt nghiệp và hoàn thành chương trình nghiên cứu chuyên môn và quản trị kinh doanh tại các nước Hoa kỳ, Taiwan... có dày dặn kinh nghiệm thực tế trong điều hành và quản trị công ty. Các thành viên này không tham gia các khóa đào tạo quản trị công ty tại Việt nam. Riêng cán bộ quản lý Việt nam và người được ủy quyền công bố thông tin của công ty đã tham gia và hoàn thành khóa đào tạo quản trị công ty tại Việt nam.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ông Wang Yen Huang

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Phó TGD tổng ban hành chính Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 25/8/1952

Nơi sinh: Đài Nam

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: MBA Đại học khoa học kỹ thuật Cao Hùng, Đài Loan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

Ông Wang Wen Ruey

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Tổng Giám đốc Great China Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 31/8/1951

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
Trình độ văn hóa: Đại Học Đông Ngô, Đài Loan.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

Ông Chiu Tsung Jen

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam
Tổng giám đốc Ban xây dựng Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd
Tổng giám đốc Công ty CPHH xây dựng Taya (Việt Nam)

Ngày tháng năm sinh: 30/09/1957

Nơi sinh: Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
Trình độ văn hóa: MBA Đại học California Hoa Kỳ.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 2.100 cổ phần (0,01%).

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát một năm họp bốn (2) lần, chủ yếu bàn thảo trao đổi kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Mỗi quý Ban kiểm soát cử đại diện kiểm tra giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

Tiền lương:

- Ông Shen Shang Pang (chủ tịch HĐQT) lương 5.000USD/tháng.
- Ông Shen Shang Tao (phó chủ tịch HĐQT) lương 5.000USD/tháng.
- Ông Wang Ting Shu (Tổng giám đốc) lương 2.860USD/tháng.
- Ông Chiu Tsung Jen (thành viên BKS) lương 1.350USD/tháng.

Thù lao:

- Năm 2015 công ty lãi khoảng 62,5 tỷ đồng, công ty chi trả thù lao năm 2015 cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là 1,593,734,420 đồng.

b. Thù lao khác

- Ông Shen Shang Pang (chủ tịch HĐQT) phi bảo lãnh vay ngân hàng năm 2015: 476.012.975VND.

c. Giao dịch cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị:

- Ông Shen Shang Pang (chủ tịch HĐQT) giao dịch mua 9.000 cổ phiếu Tya.
- Ông Shen San Yi (thành viên HĐQT) giao dịch mua 7.000 cổ phiếu Tya.

d. Xung đột lợi ích với công ty:

- Không xung đột lợi ích.

e. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ năm 2015:

➤ **Giao dịch với công ty mẹ:** Công ty TNHH Dây và Cáp điện Đại Á (Taya Electric Wire and Cable Co., Ltd

- Nhập khẩu nguyên vật liệu 745.781.208.254VND và phí sử dụng bản quyền 1.756.391.782VND.

➤ **Giao dịch với công ty có liên quan:** Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Taya (Vietnam)

- Tiền cho thuê văn phòng 198.000.000VND.

➤ **Giao dịch với công ty có liên quan:** Công ty TNHH Điện cơ Teco (Vietnam)

- Tiền cho thuê văn phòng và nhà xưởng 821.893.068VND.

f. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Theo quy định của pháp luật về Quản trị công ty, các thành viên Hội đồng quản trị phải tham gia chương trình đào tạo Quản trị công ty tại Việt nam, nhưng trên thực tế thành viên Hội đồng quản trị của công ty chưa thể tham gia quy định này do là người nước ngoài, đã tốt nghiệp và hoàn thành chương trình nghiên cứu chuyên môn và quản trị tại các nước Hoa kỳ, Taiwan...có dày dặn kinh nghiệm thực tế trong điều hành và quản trị công ty. Tuy nhiên, cán bộ quản lý và người được ủy quyền công bố thông tin Việt nam của công ty đã tham gia chương trình đào tạo Quản trị công ty nêu trên, giúp đỡ Hội đồng quản trị công ty trong việc tuân thủ và thực hiện các quy định pháp luật về quản trị công ty tại công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (xem BCTC chi tiết và Trụ sở chính tại website công ty www.taya.com.vn)

1. Ý kiến kiểm toán



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

3

KPMG Limited, a Vietnamese limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG International"), a Swiss entity.

2. Báo cáo chọn lọc*

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		664.965.005.613	604.918.087.051
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	234.551.637.935	192.842.436.613
Tiền	111		49.211.637.935	26.707.436.613
Các khoản tương đương tiền	112		185.340.000.000	166.135.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		209.328.731.695	210.965.237.235
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	6	207.304.196.561	211.027.264.339
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.872.886.199	965.954.900
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136		648.222.223	687.222.225
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.496.573.288)	(1.715.204.229)
Hàng tồn kho	140	7	199.974.688.896	178.167.978.923
Hàng tồn kho	141		200.915.366.851	178.784.689.494
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(940.677.955)	(616.710.571)
Tài sản ngắn hạn khác	150		21.109.947.087	22.942.434.280
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11(a)	1.657.134.190	1.105.107.564
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	14(b)	19.231.030.493	21.595.389.716
Tài sản ngắn hạn khác	155		221.782.404	241.937.000
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		108.851.373.033	116.429.065.521
Tài sản cố định	220		97.516.241.249	112.537.540.780
Tài sản cố định hữu hình	221	8	97.327.241.249	112.235.140.780
Nguyên giá	222		442.618.893.782	439.938.213.973
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(345.291.652.533)	(327.703.073.193)
Tài sản cố định vô hình	227	9	189.000.000	302.400.000
Nguyên giá	228		567.000.000	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(378.000.000)	(264.600.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		7.467.834.491	346.952.775
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	7.467.834.491	346.952.775
Tài sản dài hạn khác	260		3.867.297.293	3.544.571.966
Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	2.611.054.234	2.360.550.384
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	1.256.243.059	1.184.021.582
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		773.816.378.646	721.347.152.572

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

5

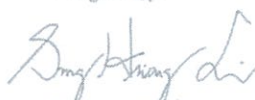
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		386.868.228.089	367.848.264.634
Nợ ngắn hạn	310		386.868.228.089	367.848.264.634
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	180.040.806.336	171.909.887.196
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.817.572.557	15.279.078.093
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	313	14(a)	7.956.930.826	3.886.438.006
Phải trả người lao động	314		7.189.475.213	6.877.682.876
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.210.050.512	1.437.266.367
Phải trả ngắn hạn khác	319		170.392.645	250.712.096
Vay ngắn hạn	320	16	187.483.000.000	168.207.200.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		386.948.150.557	353.498.887.938
Vốn chủ sở hữu	410	17	386.948.150.557	353.498.887.938
Vốn cổ phần	411	18	279.013.770.637	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ	415	18	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	19	28.364.116.167	21.553.609.319
Lợi nhuận chưa phân phối	421		79.843.103.753	53.204.347.982
- Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		17.343.714.702	7.800.968.996
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		62.499.389.051	45.403.378.986
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		773.816.378.646	721.347.152.572

Ngày 10 tháng 3 năm 2016

Người lập:


Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

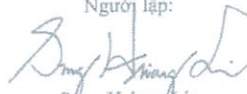
Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.409.049.607.888	1.213.259.483.245
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	159.665.335	1.565.151.037
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	1.408.889.942.553	1.211.694.332.208
Giá vốn hàng bán	11	23	1.269.967.366.547	1.112.329.535.245
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		138.922.576.006	99.364.796.963
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	13.279.819.566	9.176.823.907
Chi phí tài chính	22	25	23.343.597.463	9.260.162.682
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.898.081.589	4.501.614.632
Chi phí bán hàng	25		23.197.645.282	20.453.988.011
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		28.212.459.050	26.397.191.864
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		77.448.693.777	52.430.278.313
Thu nhập khác	31	26	39.631.263	852.563.618
Chi phí khác	32		149.895.294	270.746.898
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(110.264.031)	581.816.720
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		77.338.429.746	53.012.095.033
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	14.911.262.172	7.863.095.555
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	(72.221.477)	(254.379.508)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		62.499.389.051	45.403.378.986
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.241	1.628

Ngày 10 tháng 3 năm 2016

Người lập:


Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		77.338.429.746	53.012.095.033
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		17.701.979.340	21.805.325.101
Các khoản dự phòng	03		105.336.443	(230.404.857)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.562.427.497	884.391.150
Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư	05		(9.038.312.476)	(8.515.303.002)
Chi phí lãi vay	06		4.898.081.589	4.501.614.632
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		92.567.942.139	71.457.718.057
Biến động các khoản phải thu	09		4.300.927.113	(33.701.193.401)
Biến động hàng tồn kho	10		(22.130.677.357)	(32.308.052.134)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(5.160.664.447)	(9.625.961.313)
Biến động chi phí trả trước	12		(802.530.476)	1.344.002.583
			68.774.996.972	(2.833.486.208)
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.857.283.348)	(4.641.340.105)
Thuế thu nhập đã nộp	15		(10.710.428.410)	(8.754.676.592)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.157.786.164)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		52.049.499.050	(16.229.502.905)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(9.984.716.288)	(12.332.072.007)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	457.636.000
Tiền thu từ các khoản đầu tư	26		-	1.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		9.367.758.828	8.048.889.870
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(616.957.460)	(2.825.546.137)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		433.095.024.750	420.004.547.680
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(414.926.024.750)	(365.621.107.680)
Tiền chi trả cổ tức	36	20	(27.892.340.268)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(9.723.340.268)	54.383.440.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		41.709.201.322	35.328.390.958
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		192.842.436.613	157.514.045.655
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	234.551.637.935	192.842.436.613

Ngày 10 tháng 3 năm 2016

Người lập:


 Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Giám Đốc



Wang Ting Shu

Handwritten signature: *[Signature]*

